



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017



**Đơn vị kiểm toán:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE**

**29 Võ Thị Sáu, phường ĐaKao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh**

**Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947**

**Fax: (028) 3820 5942**

**Email: [info@aascs.com.vn](mailto:info@aascs.com.vn)**

**Website: [www.aascs.com.vn](http://www.aascs.com.vn)**

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo Ban Tổng Giám đốc	03 - 04
Báo cáo Kiểm toán độc lập	05 - 06
Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán	
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017	07 - 10
2. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2017	11 - 11
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2017	12 - 12
4. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 41



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2017 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tiền thân là Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp Thanh Niên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004221 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 01 năm 2006.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304173170 (số mới) đăng ký thay đổi đến lần thứ 14 ngày 8 tháng 6 năm 2016.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại thời điểm lập Báo cáo này gồm có:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
------------------	----------------	----------------------	------------------------

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Khế	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Thông	Thành viên
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Ông Hoàng Đại Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Nghĩa	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Thanh Vân	Trưởng ban
Bà Lê Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Công Khế	Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Vũ Nhật Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Đại Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Văn Đắc	Phó Tổng Giám đốc	03/03/2017
Ông Võ Thái Lâm	Phó Tổng Giám đốc	17/04/2017

#### Kế toán trưởng

Bà Bùi Thị Hồng Minh

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 07/12/2018, Công ty sẽ dừng hợp tác với Công ty cổ phần Tập đoàn Trung Nguyên trong dự án "Khu nhà ở Long Phước Garden, phường Long Phước, quận 9, TP. HCM. Theo đó, Công ty sẽ phải hoàn trả số tiền vay Công ty cổ phần Tập đoàn Trung Nguyên đang được ghi nhận ở "Phải trả dài hạn khác" : 103.000.000.000 đồng; đồng thời Công ty cũng phải trả khoản lãi vay là 17.000.000.000 đồng.

- Thực hiện theo sự đồng thuận tại Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 06/12/2017 về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Thanh Niên Vĩnh Hy; ngày 13/03/2018 Công ty này đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty TNHH Một thành viên, trụ sở chính tại : Thôn Khánh Hải, Thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- ❖ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng.
- ❖ Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- ❖ Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ năm 2017 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

## PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017.

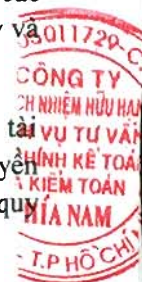
TP. HCM, ngày ... tháng 03 năm 2018

TM. Ban Tổng Giám đốc



**ĐẶNG VŨ NHẬT QUANG**

Phó Tổng Giám đốc





Số : .....BCKT/TC/2018/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi : - Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN**

### Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên, được lập ngày 29/01/2018 từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm toán nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phát sinh từ năm tài chính 2015 với giá trị 300 tỷ đồng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-HĐQT/14 ngày 16/09/2014, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/NQ-HĐQT/15 ngày 31/12/2015 và Hợp đồng hợp tác đầu tư với cá nhân ông Nguyễn Duy Thuận số 3112-2015/TN-NDT ngày 31/12/2015. Tuy nhiên, cho đến thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31/12/2017 Công ty chưa ghi nhận bất cứ khoản lợi nhuận được chia nào từ hợp đồng hợp tác đầu tư, cũng như việc sử dụng vốn đầu tư vào những dự án hay công ty nào theo quy định của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên. Do đó, chúng tôi không có đủ bằng chứng, căn cứ xác định tính trung thực và hợp lý của khoản đầu tư này cũng như việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính tại thời điểm lập báo cáo tài chính 31/12/2017. Về phương án sử dụng vốn thu được từ chào bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược với số tiền 300 tỷ đồng nêu trên có sự khác biệt giữa Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hợp đồng hợp tác đầu tư.

### ***Ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

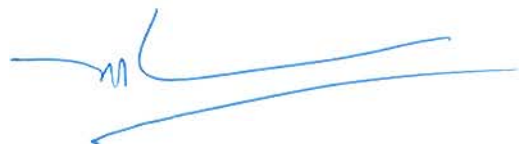
Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên** tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### ***Vấn đề khác***

Báo cáo tài chính hợp nhất của **Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên** cho năm tài chính 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ vì lý do: "Không có đủ bằng chứng, căn cứ xác định tính trung thực và hợp lý với giá trị 300 tỷ đồng của khoản đầu tư góp vốn ở đơn vị khác".

**TP. HCM, ngày 27 tháng 04 năm 2018**

Kiểm toán viên



**VÕ THỊ MỸ HƯƠNG**

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 0858-2018-142-1

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

**Tổng Giám đốc**



**PHÙNG NGỌC TOÀN**

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 0335-2018-142-1





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A-TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>137.799.121.342</b>	<b>132.239.711.307</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>40.125.413.722</b>	<b>36.795.690.758</b>
1. Tiền	111		15.125.413.722	16.295.690.758
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	20.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.100.000.000</b>	<b>6.600.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	<b>V.2a</b>	3.100.000.000	6.600.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>83.814.543.657</b>	<b>75.650.784.395</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3</b>	71.172.474.128	60.393.523.863
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.4</b>	3.241.805.408	4.717.274.474
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.5a</b>	16.168.691.744	13.376.582.021
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	<b>V.6</b>	(6.768.427.623)	(2.836.595.963)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>10.395.363.338</b>	<b>12.599.032.020</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.7</b>	10.719.615.475	14.683.261.238
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(324.252.137)	(2.084.229.218)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>363.800.625</b>	<b>594.204.134</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.8a</b>	181.478.771	224.021.949
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		160.239.500	165.885.048
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		22.082.354	204.297.137
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B-TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>463.271.269.249</b>	<b>469.585.749.925</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>52.970.825</b>	<b>117.494.443</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	52.970.825	117.494.443
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>61.792.572.814</b>	<b>67.306.880.038</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	22.098.836.428	27.669.810.318
- Nguyên giá	222		71.474.039.366	71.046.766.639
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(49.375.202.938)	(43.376.956.321)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	39.693.736.386	39.637.069.720
- Nguyên giá	228		39.745.569.720	39.685.569.720
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(51.833.334)	(48.500.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>82.186.825.630</b>	<b>81.965.234.721</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		82.186.825.630	81.965.234.721
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>313.152.694.010</b>	<b>312.754.235.325</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7.595.560.626	7.761.964.315
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		305.600.000.000	305.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(42.866.616)	(7.728.990)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.086.205.970</b>	<b>7.441.905.398</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.369.729.127	3.260.868.950
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.9	3.716.476.843	4.181.036.448
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>601.070.390.591</b>	<b>601.825.461.232</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>169.232.969.354</b>	<b>183.307.401.410</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>63.532.969.354</b>	<b>180.107.401.410</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	32.886.502.891	26.226.679.273
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2.181.534.241	965.870.475
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	7.470.976.201	2.361.250.600
4. Phải trả người lao động	314		1.474.923.398	1.337.097.557
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	8.011.223.624	6.892.864.782
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	-	5.280.909.091
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	10.541.036.349	33.201.324.429
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	-	103.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		966.772.650	841.405.203
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>105.700.000.000</b>	<b>3.200.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		105.700.000.000	3.200.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>431.837.421.237</b>	<b>418.518.059.822</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>431.837.421.237</b>	<b>418.518.059.822</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		403.416.300.000	403.416.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		403.416.300.000	403.416.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(96.002.018)	(123.918.926)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.362.321.258	4.554.207.204
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.340.381.703	3.340.381.703
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.584.794.768	7.331.089.841
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.573.436.452	1.400.682.686
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.011.358.316	5.930.407.155
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.229.625.526	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>601.070.390.591</b>	<b>601.825.461.232</b>

Người lập biểu

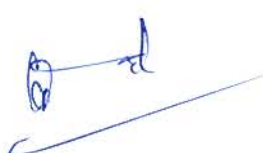
Kế toán trưởng

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2018

Phó Tổng Giám đốc



PHÙNG KIM DUNG



BÙI THỊ HỒNG MINH



ĐẶNG VŨ NHẬT QUANG





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	182.481.204.008	179.158.340.609
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		182.481.204.008	179.158.340.609
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	141.292.089.143	145.069.061.027
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		41.189.114.865	34.089.279.582
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.719.163.192	1.576.001.927
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	182.394.514	(505.516.909)
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		182.394.514	357.072.499
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		187.065.954	414.228.760
9. Chi phí bán hàng	25	VI.8a	1.303.638.406	2.070.122.016
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8b	22.931.892.772	23.151.205.384
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		18.303.286.411	10.535.242.258
12. Thu nhập khác	31	VI.6	628.225.529	641.910.078
13. Chi phí khác	32	VI.7	28.695.913	175.573.872
14. Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	40		599.529.616	466.336.206
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.902.816.027	11.001.578.464
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	4.891.457.711	5.071.171.309
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		14.011.358.316	5.930.407.155
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			13.781.732.790	5.930.407.155
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			229.625.526	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		306	112
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		306	112

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2018

Phó Tổng Giám đốc

PHÙNG KIM DUNG

BÙI THỊ HỒNG MINH

ĐẶNG VŨ NHẬT QUANG



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		160.121.944.354	162.555.924.505
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(128.365.980.296)	(135.302.214.425)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(12.531.894.021)	(16.244.617.527)
4	Tiền lãi vay đã trả	04		-	(9.895.834)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.11a	(1.030.440.954)	(1.330.660.200)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		14.372.610.466	8.650.079.282
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(31.367.933.198)	(15.312.854.748)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.198.306.351</b>	<b>3.005.761.053</b>
<b>II</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(487.272.727)	(312.620.000)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(36.355.378.125)	(15.600.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39.855.378.125	9.000.000.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(600.000.000)	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	330.524.386
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.545.800.940	1.491.579.760
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.958.528.213</b>	<b>(5.090.515.854)</b>
<b>III</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		4.000.000.000	-
2	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu mua, lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3	Tiền thu từ đi vay	33		-	2.500.000.000
4	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(2.500.000.000)
5	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.817.113.889)	(2.101.561.714)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.817.113.889)</b>	<b>(2.101.561.714)</b>
<b>IV</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.339.720.675</b>	<b>(4.186.316.515)</b>
1	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		36.785.693.047	40.961.071.976
	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	20.935.297
2	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	40.125.413.722	36.795.690.758

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Phó Tổng Giám đốc

PHÙNG KIM DUNG

BÙI THỊ HỒNG MINH

ĐẶNG VŨ NHẬT QUANG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2017

(Thuyết minh này là bộ phận không tách rời và được đọc chung với các Báo cáo tài chính đính kèm)

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tiền thân là Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp Thanh Niên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004221 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 01 năm 2006.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304173170 (số mới) đăng ký thay đổi đến lần thứ 14 ngày 08 tháng 06 năm 2016.

- Vốn điều lệ:** : 403.416.300.000 VND
  - Số cổ phiếu : 40.341.630 cổ phần
  - Mệnh giá : 10.000 VND / cổ phần
- Trụ sở hoạt động** 345/134 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh Thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính hiện nay của Công ty là tổ chức sự kiện, quảng cáo, in ấn và phát hành báo, tạp chí.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính : Không

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp :

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề KD chủ yếu	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Giải trí Thanh Niên	248 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên Film	345/134 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Quảng cáo Phát hành Thanh Niên	345/134 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo, phát hành tạp chí Duyên dáng Việt Nam	55,55%	55,55%
Công ty TNHH Long Phước Garden	345/134 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	100,00%	100,00%



**Công ty liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề KD chủ yếu	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Duyên dáng Việt Nam	2B Cao Thắng, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, phát hành và kinh doanh ấn phẩm Duyên dáng Việt Nam	34,00%	34,00%
Công ty Cổ phần Truyền thông Một Thế Giới	345/134 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình, dịch vụ quảng cáo	31,25%	31,25%
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	345/134 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Quảng cáo, in ấn	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Truyền thông Ami Thanh Niên	345/134 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tổ chức sự kiện	25,00%	25,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thanh Niên	345/134 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo, sáng tác, nghệ thuật giải trí	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Giải Trí Thanh Niên	345/134 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Quảng cáo	10,00%	10,00%
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Thanh Niên	345/134 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	10,00%	10,00%

**Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập:**

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tại Mỹ	3565 Seven Hill Road - Castro Valley, CA 94546, Hoa Kỳ	Mua bán điện thoại di động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tại Hà Nội	Số 22-TT1, Dự án 249A Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội	In ấn, phát hành
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tại Miền Trung	Lô C4 Thanh Lộc Đán, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	In ấn, phát hành

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính :**

Công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017, số liệu được trình bày có thể so sánh được giữa năm 2016 và năm 2017.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

- Kỳ kế toán năm :** bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :** đồng Việt Nam



### III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của Chi nhánh hoạt động ở nước ngoài (Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tại Mỹ) được lập bằng USD sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND), kế toán phải quy đổi các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ.
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu) được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được quy đổi ra VND bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch bình quân của kỳ kế toán năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng USD ra VND được ghi nhận trên chi tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" Mã số 417 thuộc phần "Vốn chủ sở hữu" của Bảng cân đối kế toán (xem Thuyết minh V.19). Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi Chi nhánh hoạt động ở nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

#### 2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : tỷ giá thực tế giao dịch

#### 3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền : không áp dụng

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền :

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- a. Đối với chứng khoán kinh doanh : không phát sinh
- b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
  - Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.
  - Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.
  - Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.
  - Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

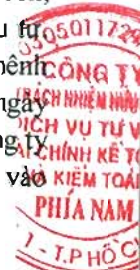
- c. Đối với các khoản cho vay : không phát sinh
- d. Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết :
  - Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.
  - Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.
  - Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.
  - Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.
  - Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.
- d. Đối với khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác : không phát sinh
- e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính : không phát sinh

#### 6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu :

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
  - Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
  - Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.
- Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
    - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
    - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm.
    - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm.
    - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 3 năm.
  - Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.



**7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính, Bất động sản đầu tư**

**a. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và Tài sản cố định vô hình**

- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao Tài sản cố định hữu hình, vô hình được áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 do Bộ Tài Chính ban hành.

**b. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định thuê tài chính**

- Tài sản cố định thuê tài chính: Nguyên giá của tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính.

**c. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

- Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Bất động sản đầu tư được tính trích khấu hao như tài sản cố định của công ty.

**9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh : không phát sinh**

**10. Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : không phát sinh**

**11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

- Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm : Chi phí trước hoạt động; Công cụ dụng cụ, chi phí sử dụng cho nhiều chu kỳ kinh doanh.
- Chi phí trả trước được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng và thời gian phân bổ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để phân bổ hợp lý.
- Chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn.

**12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả :**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- + Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác
- + Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.



+ Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Công ty không đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Công ty không ghi nhận nợ phải trả thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty không lập dự phòng nợ phải trả.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính :**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính.

**14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

- Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”.

- Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Công ty không phát sinh Dự phòng phải trả

**17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

Công ty không phát sinh Doanh thu chưa thực hiện

**18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :**

a. *Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:*

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

+ Thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

+ Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

b. *Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản:*

Tại công ty không phát sinh nghiệp vụ đánh giá lại tài sản.

c. *Nguyên tắc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái:*

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lãi hoặc lỗ tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động, chưa hoàn thành đầu tư).

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong công ty năm 2017 được thực hiện theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán riêng là chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của Chi nhánh hoạt động ở nước ngoài (Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tại Mỹ) được lập bằng USD ra VND như trình bày tại Thuyết minh số IV.1

**d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :**

**a. Doanh thu bán hàng:**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như:

- + Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Công ty thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không ghi nhận là doanh thu trong kỳ. Trường hợp bán hàng trả chậm thì phần lãi trả chậm được hoãn lại ở khoản mục "Doanh thu chưa thực hiện" và sẽ ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi đến hạn thu được khoản tiền lãi này.

**b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**c. Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:**

Công ty không phát sinh doanh thu hợp đồng xây dựng.

**20. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm theo nguyên tắc :

- + Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kỳ này thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính kỳ này.
- + Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kỳ này thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính kỳ sau.





**21. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, giá vốn còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

**22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- + Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- + Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- + Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**23. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty.

**24. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**25. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ.

**26. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.



## 27. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

### ***Bảng cân đối kế toán hợp nhất***

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân Đối kế toán hợp nhất.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:
  - + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
  - + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
  - + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
  - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

### ***Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất***

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:
  - + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
  - + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
  - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán

ĐVT : VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền :	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ (*)	896.583.055	458.063.134
Tiền gửi ngân hàng (**)	14.228.830.667	15.837.627.624
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền (***)	25.000.000.000	20.500.000.000
Cộng	40.125.413.722	36.795.690.758

**Ghi chú:**

(\*) Số liệu tiền mặt được trình bày tại phần thuyết minh này căn cứ vào sổ quỹ tiền mặt vào ngày 31/12/2017.

(\*\*) Số dư tiền gửi ngân hàng tại thời điểm 31/12/2017 phù hợp giữa sổ kế toán chi tiết của Công ty với sổ phụ các Ngân hàng giao dịch.

(\*\*\*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi VND có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các Ngân hàng :

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Quận 1	12.000.000.000
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	13.000.000.000
Cộng	25.000.000.000

## 2. Các khoản đầu tư tài chính

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	3.100.000.000	3.100.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.100.000.000	3.100.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín				
- Chi nhánh TP. HCM	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bến Nghé (TK KH)	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Sài Gòn		-	3.500.000.000	3.500.000.000
- Trái phiếu				
- Các khoản đầu tư khác				
Dài hạn				
Cộng	3.100.000.000	3.100.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000

**Ghi chú:**

(\*) Đã được xác nhận tại ngày 31/12/2017.



**Ghi chú:**

(\*\*) Đầu tư dài hạn khác bao gồm :

300.000.000.000

1.000.000.000

(a)

(@) Đại hội đồng cổ đông đã ra Nghị quyết 02/NQ-HĐQT/14 ngày 16/09/2014 về việc sử dụng số tiền thu được từ chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược và số tiền này sẽ được Công ty sử dụng để triển khai thực hiện đầu tư dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Vĩnh Hy - tỉnh Ninh Thuận. Cũng trong Nghị quyết này, Đại hội cổ đông cũng đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị "điều chỉnh phương án sử dụng số tiền thu được cho phù hợp với tình hình thực tế (nếu cần)". Theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 3112-2015 TN/NDT ngày 31/12/2015, Công ty đã chuyển cho ông Nguyễn Duy Thuận số tiền là 300.000.000.000 đồng để ủy quyền cho cá nhân này đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào một số công ty, dự án như : Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng; Dự án Bico 31 Hàn Thuyên, quận 1; Dự án Công viên bảo tồn động vật hoang dã Tây nguyên. Tại ngày 31/12/2017 Ông Nguyễn Duy Thuận chưa cung cấp được Báo cáo dự án hợp tác đầu tư cũng như việc phân chia lãi lỗ từ hoạt động đầu tư này.

3. Phải thu của khách hàng	Cuối năm	Đầu năm
<i>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<b>67.402.962.436</b>	<b>60.393.523.863</b>
CTCP TMDV SX An Ninh	4.919.629.150	4.919.629.150
CTCP Dịch vụ Cáp treo Bà Nà	2.182.000.000	11.500.000.000
CTCP Đầu tư Kỹ Thuật Berjaya Gia Thịnh	5.439.588.640	9.121.064.548
CTCP Tập Đoàn Trung Nguyên	14.970.317.437	
Chi nhánh Công ty TNHH MTV XD VT Hùng Vương	5.250.000.000	5.250.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	34.641.427.209	26.901.419.000
<i>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</i>	-	-
<i>c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<b>3.769.511.692</b>	<b>2.701.411.165</b>
Công ty Cổ phần Duyên dáng Việt Nam (Công ty liên kết)	361.080.901	262.080.901
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thanh Niên (Công ty liên kết)	-	
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Giải trí Thanh Niên (Công ty liên kết)	52.632.233	
Công ty TNHH Thanh Niên Investment (Công ty liên kết)	3.355.798.558	2.439.330.264
<b>Cộng</b>	<b>71.172.474.128</b>	<b>60.393.523.863</b>
<b>4. Trả trước cho người bán</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<i>a. Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<b>3.241.805.408</b>	<b>4.717.274.474</b>
Công ty TNHH Lâm Thịnh Hào	510.000.000	510.000.000
Trung Tâm Hội nghị Quốc Gia	-	788.878.500
CTCP ĐT Cửa Cao cấp Châu Âu	-	1.105.048.933
Công ty TNHH TMDV VT & QC Màu Xanh	500.000.000	
Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Việt Trung	972.900.000	972.900.000
- Trả trước cho các đối tượng khác	1.258.905.408	1.340.447.041
<i>b. Các khoản trả trước cho người bán dài hạn</i>	-	-
<i>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</i>	-	-
<i>d. Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.241.805.408</b>	<b>4.717.274.474</b>



## 5. Phải thu khác

Khoản mục	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>16.168.691.744</b>	-	<b>13.376.582.021</b>	-
- Phải thu người lao động (Tạm ứng)	7.333.364.056	-	7.014.921.131	-
- Ký cược, ký quỹ	40.589.314	-	40.589.314	-
- Phải thu khác (*)	8.306.802.365	-	6.113.577.946	-
- Phải trả khác (Số dư nợ)	487.936.009	-	207.493.630	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>52.970.825</b>	-	<b>117.494.443</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	52.970.825	-	117.494.443	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.221.662.569</b>	-	<b>13.494.076.464</b>	-

(\*) Phải thu khác bao gồm :

i. Phải thu các bên liên quan

Công ty TNHH Thanh Niên

Investment (Công ty liên kết)

Công ty Cổ phần Truyền thông

Một Thế Giới (Công ty liên kết)

Công ty Cổ phần Duyên dáng Việt

Nam (Công ty liên kết)

ii. Đối tượng khác

4.259.150.000

701.000.000

3.158.150.000

400.000.000

4.047.652.365

3.459.150.000

701.000.000

2.358.150.000

400.000.000

2.654.427.946

## 6. Nợ xấu

Khoản mục	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Truyền thông Ánh Dương	395.200.000	118.560.000	395.200.000	118.560.000
Công ty TNHH Kiến trúc A.T.A VN	2.368.341	1.657.839	2.368.341	1.657.839
Công ty TNHH TM Giải trí Âm nhạc Bức Nhảy	173.750.000	52.125.000	173.750.000	52.125.000
Công ty Cổ phần Dầu cá Châu Á	514.450.000	257.225.000	514.450.000	257.225.000
Công ty Cổ phần Duyên Dáng Việt Nam	361.080.901	78.624.270	361.080.901	78.624.270
DNTN Thương mại Giấy Đức Phát	115.420.390	-	115.420.390	-
Hãng phim Thanh Niên	112.462.743	-	112.462.743	-
Công ty TNHH In Hậu Giang	51.750.002	-	51.750.002	-
Công ty TNHH TM-SX Nệm mousse Liên Á	126.923.080	63.461.540	126.923.080	63.461.540
Công ty TNHH MTV TM DV SX Long Vân	430.405.150	-	430.405.150	-
Cơ quan đại diện phía Nam Báo Nhà báo và Công luận tại Thành phố Hồ Chí Minh	274.260.800	-	274.260.800	-
Công ty Cổ phần Nghe nhìn Công luận	279.174.893	-	279.174.893	-
Công ty TNHH Quốc tế Huy Hoàng	43.791.462	-	43.791.462	-
Công ty Cổ phần Dacom	25.000.000	-	25.000.000	-
DNTN Sa Sinh	7.090.000	-	7.090.000	-



Chi nhánh tạp chí Người Xây dựng tại Miền Trung - Đô thị và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn	20.002.100	-	20.002.100	-
CTCP TMDV SX An Ninh	4.919.629.150	2.951.777.490		
Công ty TNHH Nhật Minh Quốc Tế	900.000.000	-		
CTCP Yên Việt	1.063.980.000	-		
Công ty Cổ phần Truyền thông Bóng đá Việt Nam	150.000.000	75.000.000	150.000.000	75.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Thủ Đô	70.125.000		70.125.000	
Công ty Cổ phần Truyền thông Ngôi sao Thế Giới	653.489.500	326.744.750	653.489.500	326.744.750
<b>Cộng</b>	<b>10.693.603.512</b>	<b>3.925.175.889</b>	<b>3.809.994.362</b>	<b>973.398.399</b>

**7. Hàng tồn kho**

Khoản mục	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	6.687.459.719		7.549.036.968	
- Công cụ dụng cụ	-		-	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở	3.184.257.794		4.679.811.949	
- Thành phẩm	49.224.314		148.215.428	
- Hàng hóa	798.673.648	(324.252.137)	2.306.196.893	(2.084.229.218)
<b>Cộng</b>	<b>10.719.615.475</b>	<b>(324.252.137)</b>	<b>14.683.261.238</b>	<b>(2.084.229.218)</b>

**Ghi chú:**

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 2.149.071.541 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

**8. Chi phí trả trước**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>181.478.771</b>	<b>224.021.949</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	140.573.771	183.116.949
- Các khoản khác	40.905.000	40.905.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>2.369.729.127</b>	<b>3.260.868.950</b>
- Chi phí mua bảo hiểm		
- Các khoản khác	2.369.729.127	3.260.868.950
<b>Tổng</b>	<b>2.551.207.898</b>	<b>3.484.890.899</b>

**9. Lợi thế thương mại**

	Cuối năm	Đầu năm
- Số dư đầu năm	4.181.036.448	
- Giá trị Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty con		4.645.596.053
- Tăng khác	900.000.000	
- Giảm khác		
- Phân bổ Lợi thế thương mại trong kỳ	(464.559.605)	(464.559.605)
- Số dư cuối kỳ	<b>4.616.476.843</b>	<b>4.181.036.448</b>



10. Tăng giảm Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>16.131.774.919</b>	<b>48.252.517.199</b>	<b>5.480.609.244</b>	<b>816.917.090</b>	<b>364.948.187</b>	<b>71.046.766.639</b>
- Mua trong năm		427.272.727				427.272.727
- Đầu tư XD CB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16.131.774.919</b>	<b>48.679.789.926</b>	<b>5.480.609.244</b>	<b>816.917.090</b>	<b>364.948.187</b>	<b>71.474.039.366</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>5.037.653.380</b>	<b>33.509.293.498</b>	<b>3.846.969.012</b>	<b>694.576.829</b>	<b>288.463.602</b>	<b>43.376.956.321</b>
- Khấu hao trong năm	831.237.797	4.451.947.464	590.453.965	86.473.785	38.133.606	5.998.246.617
- Tăng khác						-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.868.891.177</b>	<b>37.961.240.962</b>	<b>4.437.422.977</b>	<b>781.050.614</b>	<b>326.597.208</b>	<b>49.375.202.938</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
- <b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>11.094.121.539</b>	<b>14.743.223.701</b>	<b>1.633.640.232</b>	<b>122.340.261</b>	<b>76.484.585</b>	<b>27.669.810.318</b>
- <b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>10.262.883.742</b>	<b>10.718.548.964</b>	<b>1.043.186.267</b>	<b>35.866.476</b>	<b>38.350.979</b>	<b>22.098.836.428</b>

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay : - VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 8.655.405.289 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý : - VND
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: - VND
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: - VND



11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	39.637.069.720			48.500.000	-	39.685.569.720
- Mua trong năm				60.000.000		60.000.000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						
<b>Số dư cuối năm</b>	39.637.069.720	-	-	108.500.000	-	39.745.569.720
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	-			48.500.000	-	48.500.000
- Khấu hao trong năm				3.333.334		3.333.334
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
<b>Số dư cuối năm</b>	-	-	-	51.833.334	-	51.833.334
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>						
- Tại ngày đầu năm	39.637.069.720	-	-	-	-	39.637.069.720
- Tại ngày cuối năm	39.637.069.720	-	-	56.666.666	-	39.693.736.386

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay : VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 48.500.000 VND
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác :
  - + Quyền sử dụng đất tại Khu C4, Khu tái định cư Thanh Lộc Đán- Hòa Minh mở rộng , phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng có thời hạn sử dụng lâu dài nên hiện không trích khấu hao: 3.803.345.000 VND
  - + Quyền sử dụng đất tại 345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nên chưa tạm thời trích khấu hao do chưa xác định được thời hạn sử dụng đất. 35.833.724.720 VND





**12. Tài sản dở dang dài hạn**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài</b>				
<b>b. Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
Chi phí đầu tư Dự án Khu nhà ở tại phường Long Phước, quận 9, TP. Hồ Chí Minh (*)		80.287.994.376		80.066.403.467
Dự án tại tỉnh Ninh Thuận		1.739.126.709		1.739.126.709
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác		159.704.545		159.704.545
<b>Cộng</b>		<b>82.186.825.630</b>		<b>81.965.234.721</b>

**Ghi chú:**

(\*) Đây là các khoản Chi phí thuộc Dự án Khu nhà ở Báo Thanh Niên tại phường Long Phước, quận 9, TP. HCM do Công ty nhận bàn giao lại từ Công đoàn Báo Thanh Niên theo Biên bản thỏa thuận ngày 01/09/2010.

**13. Vay và nợ thuê tài chính**

Khoản mục	Cuối năm		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn (*)	0	0	0	103.000.000.000	103.000.000.000	103.000.000.000
b. Vay dài hạn	0	0	0	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>103.000.000.000</b>	<b>103.000.000.000</b>	<b>103.000.000.000</b>

**Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:**

(\*) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Tập Đoàn Trung Nguyên theo Hợp đồng nguyên tắc số 29/2013/HĐNT ngày 03/05/2013 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Trung Nguyên và Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên mục đích thực hiện và hoàn tất dự án "Khu nhà ở Thương mại tại phường Long Phước, quận 9. Năm 2017 khoản phải trả này đã được phân loại sang khoản mục "Các khoản Phải trả Phải nộp khác"

14. Phải trả người bán

Khoản mục	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	<i>31.839.660.415</i>	<i>31.839.660.415</i>	<i>25.149.836.797</i>	<i>25.149.836.797</i>
Công ty TNHH DVVH Những Ngôi Sao	2.161.079.880	2.161.079.880	3.536.119.500	3.536.119.500
CTCP Sản xuất Thương mại PP	1.578.938.938	1.578.938.938	2.592.648.222	2.592.648.222
CTCP Phát triển Công nghệ Vĩnh Phát	2.230.604.406	2.230.604.406	2.230.604.406	2.230.604.406
CTCP Giấy Phụng Vĩnh Hưng	1.539.470.734	1.539.470.734	1.931.030.288	1.931.030.288
Công ty TNHH MTV In Báo Nhân Dân TP. HCM	3.551.459.600	3.551.459.600	3.551.459.600	3.551.459.600
Công ty Văn Hóa Sài Gòn	1.187.438.304	1.187.438.304	1.287.438.304	1.287.438.304
- Phải trả cho các đối tượng khác	19.590.668.553	19.590.668.553	10.020.536.477	10.020.536.477
<i>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>c. Số nợ quá hạn chưa thanh</i>	-	-	-	-
<i>d. Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>1.046.842.476</i>	<i>1.046.842.476</i>	<i>1.076.842.476</i>	<i>1.076.842.476</i>
Công ty TNHH Thanh Niên Investment (Công ty liên kết)	1.046.842.476	1.046.842.476	1.076.842.476	1.076.842.476
<b>Cộng</b>	<b>32.886.502.891</b>	<b>32.886.502.891</b>	<b>26.226.679.273</b>	<b>26.226.679.273</b>

15. Người mua trả tiền trước

Khoản mục	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<i>2.181.534.241</i>	<i>2.181.534.241</i>	<i>965.870.475</i>	<i>965.870.475</i>
CTCP Đầu tư và Xây lắp kỹ thuật hạ tầng - PIDI	620.000.000	620.000.000	620.000.000	620.000.000
Công ty TNHH Hải Sơn	220.000.000	220.000.000		
Công ty TNHH Khải Đức	630.000.000	630.000.000		-
- Phải trả cho các đối tượng khác	711.534.241	711.534.241	345.870.475	345.870.475
<b>Cộng</b>	<b>2.181.534.241</b>	<b>2.181.534.241</b>	<b>965.870.475</b>	<b>965.870.475</b>

16. Thuế và các khoản phải nộp

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
<b>a. Phải nộp</b>				
- Thuế Giá trị gia tăng	1.601.508.049	5.694.087.526	4.168.282.178	3.127.313.397
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	282.697.154	4.891.457.711	1.234.734.484	3.939.420.381
- Thuế thu nhập cá nhân	464.090.863	1.717.596.840	1.790.399.814	391.287.889
- Thuế nhà đất	-	2.334.090	2.334.090	-
- Thuế khác	12.954.534	7.000.000	7.000.000	12.954.534
<b>Cộng</b>	<b>2.361.250.600</b>	<b>12.312.476.167</b>	<b>7.202.750.566</b>	<b>7.470.976.201</b>
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
<b>b. Phải thu</b>				
- Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	204.293.530	-	204.293.530	-
- Thuế khác	3.607	22.078.747	-	22.082.354
<b>Cộng</b>	<b>204.297.137</b>	<b>22.078.747</b>	<b>204.293.530</b>	<b>22.082.354</b>

**Ghi chú:**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.





17. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	<b>8.011.223.624</b>	<b>6.892.864.782</b>
- Chi phí phải trả về hoạt động tổ chức sự kiện, quảng cáo	8.011.223.624	6.892.864.782
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.011.223.624</b>	<b>6.892.864.782</b>

18. Các khoản phải trả phải nộp khác	Cuối năm	Đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	<b>10.541.036.349</b>	<b>33.201.324.429</b>
- Phải thu khác (Số dư có)	-	256.000.000
- Kinh phí công đoàn	35.822.895	21.017.625
- Bảo hiểm y tế	-	6.240.000
- Bảo hiểm xã hội	2.914.162	5.068.496
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	480.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	10.502.299.292	32.912.518.308
<i>b. Dài hạn</i>	<b>105.700.000.000</b>	<b>3.200.000.000</b>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (**)	105.700.000.000	3.200.000.000
<i>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>116.241.036.349</b>	<b>36.401.324.429</b>

(\*) Chi tiết các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác gồm:

i. Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
CTCP Dịch vụ Cáp treo Bà Nà	-	20.000.000.000
Cổ tức phải trả (2007 -2015)	1.342.008.769	4.056.633.658
Quỹ nhân tài nước Việt - Học bổng Nguyễn Thái Bình	392.788.391	392.788.391
Quỹ nhân tài nước Việt	6.316.833.370	6.145.549.967
Phải trả khác của Chi nhánh tại Mỹ	637.326.780	
Đối tượng khác	1.777.100.062	2.281.304.372
ii. Phải trả khác cho các bên liên quan		
CTCP Dịch vụ Thanh Niên (Công ty liên kết)	36.241.920	36.241.920
<b>Cộng</b>	<b>10.502.299.292</b>	<b>32.912.518.308</b>

(\*\*) Chi tiết các khoản phải trả phải nộp dài hạn khác gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trung Nguyên (@)	103.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Gia	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sức khỏe Việt	1.200.000.000	1.200.000.000
Ông Võ Thái Lâm		500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>105.700.000.000</b>	<b>3.200.000.000</b>

(@) Đây là khoản nhận vốn góp đầu tư theo Hợp đồng nguyên tắc số 29/2013/HĐNT ngày 03/05/2013 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Trung Nguyên và Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên mục đích thực hiện và hoàn tất dự án "Khu nhà ở Thương mại tại phường Long Phước, quận 9".

19. Doanh thu chưa thực hiện	Cuối năm	Đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	-	<b>5.280.909.091</b>
- Doanh thu nhận trước		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	5.280.909.091
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
<i>c. Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5.280.909.091</b>

20. Vốn chủ sở hữu

20.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Tổng cộng
	Vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Lãi chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>403.416.300.000</b>	<b>(163.709.393)</b>	<b>4.464.207.204</b>	<b>3.340.381.703</b>	<b>6.139.095.162</b>		<b>417.196.274.676</b>
- Tăng vốn trong năm trước							-
- Lãi trong năm trước					5.930.407.155		5.930.407.155
- Tăng khác		39.790.466	90.000.000				129.790.466
- Giảm vốn trong năm trước							-
- Lỗ trong năm trước							-
- Giảm khác					(4.738.412.476)		(4.738.412.476)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>403.416.300.000</b>	<b>(123.918.926)</b>	<b>4.554.207.204</b>	<b>3.340.381.703</b>	<b>7.331.089.841</b>		<b>418.518.059.822</b>
- Tăng vốn trong kỳ này							-
- Phần vốn góp thêm của cổ đông không kiểm soát trong kỳ						4.000.000.000	4.000.000.000
- Lãi trong kỳ này					13.781.732.790	229.625.526	14.011.358.316
- Tăng khác		27.916.908	808.114.054				836.030.962
- Giảm vốn trong kỳ này							-
- Lỗ kỳ này							-
- Giảm khác					(5.528.027.863)		(5.528.027.863)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>403.416.300.000</b>	<b>(96.002.018)</b>	<b>5.362.321.258</b>	<b>3.340.381.703</b>	<b>15.584.794.768</b>	<b>4.229.625.526</b>	<b>431.837.421.237</b>

**20.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu**

- Vốn góp của Công ty mẹ
- Vốn góp của các đối tượng khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	-	-
	403.416.300.000	403.416.300.000
<b>Cộng</b>	<b><u>403.416.300.000</u></b>	<b><u>403.416.300.000</u></b>

**20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
  - + Vốn góp đầu năm
  - + Vốn góp tăng trong kỳ
  - + Vốn góp giảm trong kỳ
  - + Vốn góp cuối kỳ
- Cổ tức lợi nhuận đã chia

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	403.416.300.000	403.416.300.000
	403.416.300.000	403.416.300.000
	403.416.300.000	403.416.300.000
	5.817.113.889	2.101.561.714

**20.4 Cổ phiếu**

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
  - + Cổ phiếu phổ thông
  - + Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)
  - + Cổ phiếu phổ thông
  - + Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
  - + Cổ phiếu phổ thông
  - + Cổ phiếu ưu đãi

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	40.341.630	40.341.630
	40.341.630	40.341.630
	40.341.630	40.341.630

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

**20.5 Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		3.102.489.000

**20.6 Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	5.362.321.258	4.554.207.204
	3.340.381.703	3.340.381.703

**21. Chênh lệch tỷ giá**

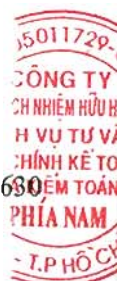
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang VND
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh vì các nguyên nhân khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(96.002.018)	(123.918.926)

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

- a. Tài sản thuê ngoài
- b. Tài sản nhận giữ hộ (\*)
- c. Ngoại tệ các loại (USD) - Tiền gửi ngân hàng
- d. Vàng tiền tệ
- đ. Nợ khó đòi đã xử lý
- e. Các thông tin khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	14.028,79	26.814,69





**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

<i>a. Doanh thu</i>	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	51.892.250.770	34.686.914.574
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	130.588.953.238	144.471.426.035
- Doanh thu hợp đồng xây dựng		
<b>Cộng</b>	<b>182.481.204.008</b>	<b>179.158.340.609</b>

**Chi tiết doanh thu phân loại theo lĩnh vực kinh doanh năm 2017 :**

Doanh thu dịch vụ, cho thuê văn phòng	7.986.191.014
Doanh thu bán hàng hóa	7.744.132.901
Doanh thu bán thành phẩm (in báo, sản phẩm)	44.148.117.869
Doanh thu quảng cáo, tài trợ	122.602.762.224
<b>Cộng</b>	<b>182.481.204.008</b>

**Chi tiết doanh thu phân loại theo khu vực địa lý năm 2017 :**

Doanh thu Khối Văn phòng	127.873.483.852
Doanh thu Chi nhánh Hà Nội	27.718.424.137
Doanh thu Chi nhánh Đà Nẵng	19.232.856.829
Doanh thu Chi nhánh Mỹ	7.656.439.190
<b>Cộng</b>	<b>182.481.204.008</b>

**b. Doanh thu đối với các bên liên quan**

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	847.894.999	724.560.367
Công ty Cổ phần Truyền thông Giải trí Ami Thanh Niên		26.672.523
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thanh Niên	129.463.529	147.956.210
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Thanh Niên	40.742.750	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thanh Niên	142.572.030	
<b>Cộng</b>	<b>1.160.673.308</b>	<b>899.189.100</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.822.955.957	10.838.345.569
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	19.252.289.426	56.383.411.359
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	120.216.843.760	77.847.304.099
<b>Cộng</b>	<b>141.292.089.143</b>	<b>145.069.061.027</b>

**Chi tiết giá vốn phân loại theo lĩnh vực kinh doanh năm 2017 :**

Giá vốn cho thuê văn phòng	957.833.562
Giá vốn hàng hóa	9.416.456.121
Giá vốn thành phẩm	36.419.057.809
Giá vốn quảng cáo - tài trợ	94.498.741.651
<b>Cộng</b>	<b>141.292.089.143</b>

**Chi tiết giá vốn phân loại theo khu vực địa lý năm 2017 :**

Giá vốn Khối Văn phòng	95.456.575.213
Giá vốn Chi nhánh Hà Nội	22.319.717.551
Giá vốn Chi nhánh Đà Nẵng	16.579.366.331
Giá vốn Chi nhánh Mỹ	6.936.430.048
<b>Cộng</b>	<b>141.292.089.143</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.719.163.192	1.576.001.927
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi chênh lệch tỷ giá		
<b>Cộng</b>	<b>1.719.163.192</b>	<b>1.576.001.927</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	182.394.514	357.072.499
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(0)	(866.133.507)
- Chi phí tài chính khác		3.544.099
<b>Cộng</b>	<b>182.394.514</b>	<b>(505.516.909)</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		
- Tiền phạt thu được		
- Các khoản khác	628.225.529	641.910.078
<b>Cộng</b>	<b>628.225.529</b>	<b>641.910.078</b>
<b>7. Chi phí khác</b>		
- Giá trị còn lại tài sản cố định và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
- Các khoản bị phạt	28.695.833	-
- Các khoản khác	80	175.573.872
<b>Cộng</b>	<b>28.695.913</b>	<b>175.573.872</b>
<b>8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<b>22.931.892.772</b>	<b>23.151.205.384</b>
Chi phí nhân viên quản lý	10.957.012.887	12.731.351.301
Chi phí dự phòng	3.931.831.660	2.808.700.161
Chi phí bằng tiền khác	3.535.654.630	3.803.656.798
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.507.393.595	3.807.497.124
<i>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	<b>1.303.638.406</b>	<b>2.070.122.016</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	1.093.997.481	1.921.808.665
Chi phí nhân viên bán hàng	900.572.652	1.100.327.068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	193.424.829	821.481.597
- Các khoản chi phí bán hàng khác	209.640.925	148.313.351
<b>9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.369.088.234	42.660.939.353
Chi phí nhân công	22.009.516.494	18.858.835.568
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.983.455.541	6.623.712.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.465.188.571	95.776.373.542
Chi phí dịch vụ khác bằng tiền	9.074.887.296	7.087.769.879
<b>Cộng</b>	<b>66.902.136.136</b>	<b>171.007.630.739</b>
<b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.891.457.711	5.071.171.309
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.891.457.711</b>	<b>5.071.171.309</b>





Các giao dịch khác	Năm nay	Năm trước
Cho vay/ mượn tiền		
Giao dịch mua bán		

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu	139.257.906	1.179.078.909
Ông Nguyễn Công Khế	-	5.450.909
Ông Võ Thái Lâm	1.257.906	1.035.628.000
Ông Hồ Văn Đắc	138.000.000	138.000.000
Phải trả	65.000.000	27.750.000
Ông Hồ Văn Đắc	65.000.000	27.750.000

### 3.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Duyên dáng Việt Nam	Công ty liên kết	34,00%
Công ty Cổ phần Truyền thông Một Thế Giới	Công ty liên kết	31,25%
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	Công ty liên kết	45,00%
Công ty Cổ phần Truyền thông Giải trí Ami Thanh Niên	Công ty liên kết	25,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thanh Niên	Công ty liên kết	45,00%

Trong kỳ Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VNĐ)
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	Mua dịch vụ	243.750.000
	Cho vay	
Công ty Cổ phần Truyền thông Một Thế Giới	Mua dịch vụ	398.000.000
	Cho vay	800.000.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	Nợ phải thu	4.057.882.558
	Nợ phải trả	1.046.842.476
Công ty Cổ phần Truyền thông Một Thế Giới	Nợ phải thu	3.158.150.000
	Nợ phải trả	-
Công ty Cổ phần Duyên dáng Việt Nam	Nợ phải thu	662.080.901
	Nợ phải trả	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thanh Niên	Nợ phải thu	36.241.920
	Nợ phải trả	

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Khoản mục	Quảng cáo, tổ chức sự kiện	In ấn phát hành báo, tạp chí	Bán hàng	Hoạt động khác	Bộ phận không phân bổ	Cộng
<b>Doanh thu thuần</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	122.602.762.224	44.148.117.869	7.744.132.901	7.986.191.014		182.481.204.008
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác						
<b>Cộng</b>	<b>122.602.762.224</b>	<b>44.148.117.869</b>	<b>7.744.132.901</b>	<b>7.986.191.014</b>	<b>-</b>	<b>182.481.204.008</b>
<b>Giá vốn</b>						
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	94.498.741.651	36.419.057.809	9.416.456.121	957.833.562		141.292.089.143
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận						
<b>Cộng</b>	<b>94.498.741.651</b>	<b>36.419.057.809</b>	<b>9.416.456.121</b>	<b>957.833.562</b>	<b>-</b>	<b>141.292.089.143</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế</b>	<b>28.104.020.573</b>	<b>7.729.060.060</b>	<b>(1.672.323.220)</b>	<b>7.028.357.452</b>	<b>-</b>	<b>41.189.114.865</b>
Doanh thu hoạt động tài chính					1.719.163.192	1.719.163.192
Chi phí tài chính					2.398.408.546	2.398.408.546
Phần lãi / lỗ trong công ty liên kết					187.065.954	187.065.954
Chi phí bán hàng					1.303.638.406	1.303.638.406
Chi phí quản lý doanh nghiệp					22.931.892.772	22.931.892.772
Thu nhập khác					628.225.529	628.225.529
Chi phí khác					28.695.913	28.695.913
Chi phí thuế TNDN hiện hành					4.891.457.711	4.891.457.711
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	<b>28.104.020.573</b>	<b>7.729.060.060</b>	<b>(1.672.323.220)</b>	<b>7.028.357.452</b>	<b>(29.393.770.581)</b>	<b>11.795.344.284</b>
<b>Tổng chi phí mua tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	537.581.916.845	61.441.406.703	2.047.067.043			601.070.390.591
Tài sản không phân bổ						-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>537.581.916.845</b>	<b>61.441.406.703</b>	<b>2.047.067.043</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>601.070.390.591</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp						
Nợ phải trả bộ phận phân bổ	51.831.511.646	10.580.130.753	1.121.326.955			63.532.969.354
Nợ phải trả không phân bổ						
<b>Tổng cộng nợ</b>	<b>51.831.511.646</b>	<b>10.580.130.753</b>	<b>1.121.326.955</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>63.532.969.354</b>





**Báo cáo bộ phận theo vị trí địa lý:**

Khoản mục	Việt Nam	Mỹ	Tổng cộng
<b>Doanh thu thuần</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	174.824.764.818	7.656.439.190	182.481.204.008
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			-
<b>Cộng</b>	<b>174.824.764.818</b>	<b>7.656.439.190</b>	<b>182.481.204.008</b>
<b>Giá vốn</b>			
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	134.355.659.095	6.936.430.048	141.292.089.143
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận			
<b>Cộng</b>	<b>134.355.659.095</b>	<b>6.936.430.048</b>	<b>141.292.089.143</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế</b>	<b>40.469.105.723</b>	<b>720.009.142</b>	<b>41.189.114.865</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			1.719.163.192
Chi phí tài chính			2.398.408.546
Phần lãi / lỗ trong công ty liên kết			187.065.954
Chi phí bán hàng			1.303.638.406
Chi phí quản lý doanh nghiệp			22.931.892.772
Thu nhập khác			628.225.529
Chi phí khác			28.695.913
Chi phí thuế TNDN hiện hành			4.891.457.711
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>			<b>11.795.344.284</b>
Tổng chi phí mua tài sản			
Tài sản bộ phận	599.023.323.548	2.047.067.043	601.070.390.591
Tài sản không phân bổ			
<b>Tổng tài sản</b>	<b>599.023.323.548</b>	<b>2.047.067.043</b>	<b>601.070.390.591</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	62.411.642.399	1.121.326.955	63.532.969.354
Nợ phải trả bộ phận phân bổ			
Nợ phải trả không phân bổ			
<b>Tổng cộng nợ</b>	<b>62.411.642.399</b>	<b>1.121.326.955</b>	<b>63.532.969.354</b>





**5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Đất Việt kiểm toán.

**6. Thông tin về hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/12/2017 Công ty không có các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản lưu động, hoặc lỗ lũy kế làm âm vốn chủ sở hữu làm ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong 12 tháng kế tiếp.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở Công ty vẫn sẽ tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng kế tiếp.

**7. Những thông tin khác**

**a. Thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh**

Trong năm 2017, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất của Công ty là 182.481.204.008 VND. Giá của hàng hóa và dịch vụ theo mặt bằng giá chung trên thị trường nên không cần phải tính chênh lệch giữa giá của Công ty cung cấp và giá thị trường.

**b. Thông tin về thay đổi các chính sách kế toán**

Không có thông tin về thay đổi các chính sách kế toán ảnh hưởng đến việc lập Báo cáo tài chính năm 2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Phó Tổng Giám đốc



PHÙNG KIM DUNG

BUI THỊ HỒNG MINH

ĐẶNG VŨ NHẬT QUANG